

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HƯNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

---\*\*\*---

Bản án số: 60/2020/HS-ST

Ngày 11/8/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Hoàng Văn Thành.**

- *Các hội thẩm nhân dân:* **1, Ông Nguyễn Hữu Hiễn  
2, Ông Cao Gia Tuấn.**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh** – Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình tham  
gia phiên tòa:* **Bà Phạm Thị Yến** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 57/2020/HSST ngày 01 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **54/2020/HSST-QĐ** ngày 29/7/2020 đối với bị cáo:

**Nguyễn Đức T** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 03 tháng 12 năm 1981 tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Thái Bình.

(Nay là thôn Đ, xã M, huyện Đ, Thái Bình).

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Trình độ văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Nguyễn Đức N - sinh năm 1956 và bà Hoàng Thị H - sinh năm 1958.

Vợ: Bùi Thị L, sinh năm 1988; Con có 03 con: Con lớn sinh năm 2006; con nhỏ sinh năm 2020.

***Tiền án, tiền sự:*** Không.

*Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại, triệu tập có mặt tại phiên tòa.*

**\* Bị hại:**

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1959 (đã chết)

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Thái Bình.

(Nay là thôn Đ, xã M, huyện Đ, Thái Bình).

**\* Đại diện hợp pháp của bị hại:**

- 1, Bà Nguyễn Thị L, **sinh năm 1964** (là vợ ông Nông)
- 2, Chị Nguyễn Thị L, **sinh năm 1985** (là con gái ông Nông)
- 3, Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987 (là con gái ông Nông)
- 4, Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991 (là con trai ông Nông)
- 5, Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991 (là con trai ông Nông)

Đều trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Thái Bình.

(Nay là thôn Đ, xã M, huyện Đ, Thái Bình).

Anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn H ủy quyền cho mẹ đẻ bà Nguyễn Thị L tham gia giải quyết vụ án.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Phạm Văn T, sinh năm 1969

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Thái Bình.

(Nay là thôn Đ, xã M, huyện Đ, Thái Bình).

**\* Người làm chứng:**

1, Bà Hoàng Thị P, sinh năm 1975

2, Ông Phạm Đồng K, sinh năm 1963

3, Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1971

4, Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1965

5, Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976

Đều trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Thái Bình.

(Nay là thôn Đ, xã M, huyện Đ, Thái Bình).

6, Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974

Trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, Thái Bình.

(Nay là thôn P, xã M, huyện Đ, Thái Bình).

(Tại phiên tòa có mặt bà L; Vắng mặt chị L, chị L, ông T, bà P, ông K, ông H, ông M, Bà L, bà H).

**PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức T làm nghề xây dựng công trình dân dụng, ngày 24/8/2019 T hợp đồng nhận xây dựng công trình nhà ở cho bà Hoàng Thị P. Hợp đồng được lập thành văn bản, viết tại sổ của bà P với nội dung: T xây dựng công trình nhà ở cho bà P trên đất bà P đang ở tại thôn Đ, xã Đ. Vật liệu của bà P, T chịu trách nhiệm xây dựng hoàn chỉnh công trình, giá thuê khoán công xây dựng là 780.000 đồng/m<sup>2</sup>, ngoài ra còn có một số phần chi tiết khác thì tính công nhật, tiền công khoán T trực tiếp nhận từ bà P. T tập hợp được một nhóm 6 người là thợ xây và

người phụ xây ở cùng xã với T để xây dựng nhà ở cho bà P, gồm: ông Nguyễn Văn N, ông Phạm Đồng K, ông Nguyễn Đức H, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị H. Giữa T và 6 người thợ chỉ thỏa thuận miệng về việc T sẽ trả công cho họ tương ứng với ngày công và vị trí công việc được T thuê, T có trách nhiệm chuẩn bị các phương tiện phục vụ xây dựng như cốp pha, giàn giáo... còn các dụng cụ lao động khác như dao bay xây do họ tự mang đến. Trước và trong quá trình xây dựng công trình nhà ở của bà P, cả 6 người thợ T thuê đều không được huấn luyện, hướng dẫn các quy định, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn lao động; không được trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân và các thiết bị an toàn lao động. Ngày 06/9/2019, T cùng những người thợ bắt đầu xây dựng công trình nhà ở của bà P, sau một thời gian xây dựng, đã xây xong phần thô của tầng 1, gồm 3 gian nhà quay theo hướng Đông Nam, tính từ ngoài vào đầu tiên là phòng khách, đến phòng ngủ, đến gian cầu thang và cuối cùng là phòng bếp, phần cầu thang đã đổ bê tông uốn lượn từ tầng 1 lên đến mặt mái là lối dẫn lên phần tum phía trên, chưa xây bậc. Nền nhà đã đổ bê tông tương đối bằng phẳng. Đến ngày 23/11/2019, T tiếp tục chỉ đạo lắp đặt giàn giáo ở vị trí tum tầng 2 thẳng cầu thang từ tầng 1 đi lên, phần tum có diện tích (3,15 x 1,5)mét và cùng nhóm thợ xây tường gian tum. Sáng ngày 24/11/2019, do cần xây tường ở vị trí cao hơn nên T phân công ông N và ông K tiếp tục lắp đặt giàn giáo để xây tiếp phần tường của gian này. Trên tường xây bằng gạch đỏ, khi xây có để 6 lỗ hổng, trong đó tường phía Đông Nam có 3 lỗ đối xứng với 3 lỗ của tường phía Tây Bắc để làm vị trí lắp đặt giàn giáo. Khoảng cách giữa 2 bức tường cách nhau khoảng 1,5 mét. Giàn giáo được làm kết hợp giữa vật liệu gỗ và kim loại. Trong đó: 03 thanh gỗ có kích thước khoảng (2,1 x 0,07 x 0,06)mét (do ông N và ông K tự chọn trong số gỗ dùng làm cốp pha do T đi thuê), các đầu thanh gỗ được đặt vào vị trí 6 lỗ hổng tạo thành 3 đường thẳng song song với nhau làm thành giá đỡ (rầm chính) của giàn giáo. Mặt sàn của giàn giáo được lắp ghép từ 4 tấm cốp pha bằng kim loại, kích thước của 1 tấm là (2 x 0,5 x 0,04) mét. 4 tấm cốp pha này được đặt lên trên, vuông góc với 3 thanh gỗ và được ghép sát nhau, làm thành mặt sàn rộng 01 mét, chiều dài là 3,15 mét (do chiều dài của 2 tấm cốp pha nối liền với nhau dài hơn chiều dài của gian tum nên 2 đầu của các thanh cốp pha được gối chồng lên nhau). Trên mặt sàn của giàn giáo được đặt thêm 01 tấm tôn lá có kích thước (1,2 x 0,7 x 0,001)mét để đựng vữa và gạch đỏ. Mặt sàn giàn giáo sau khi được lắp đặt xong cách mặt đất là 5,1 mét. Sau khi lắp đặt xong giàn giáo, tự quan sát cảm nhận thấy như vậy là chắc chắn thì T chỉ đạo thợ vận chuyển một lượng gạch đỏ và vữa đặt lên trên giàn giáo. Tiếp đó ông N, ông K và T trèo lên giàn giáo, T đứng ở vị trí đầu giàn giáo giáp với gian phòng khách, ông N đứng giữa, ông K đứng ở cuối giàn giáo và sử dụng gạch, vữa để ở

mặt sàn của giàn giáo để xây tường của gian tum. Lúc này, tại nhà bà P còn có ông Nguyễn Đức H, ông Nguyễn Văn M đang uốn sắt ở sân, bà Nguyễn Thị L dọn vật liệu ở sân còn bà Nguyễn Thị H đang phụ vữa trên mái nhà tầng 1. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, khi 3 ông đang đứng trên giàn giáo để xây tường thì 01 thanh gỗ ở vị trí giữa bị gãy làm giàn giáo sập xuống, ông K bám đu được vào bức tường đang xây sau đó được đỡ xuống còn T và ông N bị rơi xuống mặt nền nhà tầng 1 tại vị trí gian cầu thang, T và ông N bị thương được mọi người có mặt đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình, ông N bị thương nặng, bệnh viện trả về và chết lúc 14 giờ cùng ngày tại gia đình.

Về khám nghiệm hiện trường: Khi khám nghiệm, hiện trường đã bị xáo trộn do hoạt động cấp cứu, thu dọn của gia đình. Hiện trường để lại các dấu vết sau: Mép ngoài ở đoạn uốn góc cầu thang có 01 dấu vết vỡ vữa bê tông mới tại phần khuyết có kích thước (27x7)cm, điểm thấp nhất vết cách nền nhà là 1,55m; Tum cầu thang trên mái bằng tầng 1 đang xây dở phần tường cao nhất cao 02 mét, tường thấp nhất cao 0,8 mét so với mặt mái tầng 1. Trong lòng tum, trên thành tường có 01 thanh xà gỗ có kích thước (2,1 x 0,07 x 0,06)mét, 2 đầu thanh gỗ được đặt vào 2 lỗ hổng của tường phía Đông Nam và Tây Bắc mặt thanh gỗ cách nền nhà tầng 1 đo 5,1m; bề mặt thành tường Đông Nam và Tây Bắc của tum tiến về phía Đông Bắc cách thanh xà gỗ 01 mét có dấu vết trượt bề mặt gạch đỏ, vữa xi măng, bề mặt tường có bám dính chất màu nâu (màu gỗ), kích thước (05 x 07)cm, thành tường có dấu vết mất tường, nứt thành tường mới, tương ứng dưới nền khu vực cầu thang có dấu vết gạch bám vữa được xếp tại góc khu vực cầu thang; Tại gian buồng ngủ sát cầu thang có 02 đoạn gỗ, 1 đoạn có kích thước (1,2 x 0,08 x 0,06) mét, một đầu phẳng, một đầu gãy mất gỗ mới và 1 đoạn có kích thước (1,16 x 0,08 x 0,06)mét, một đầu phẳng, một đầu gãy mất gỗ mới, tại hai đầu gãy vát, khi lắp ghép thấy khớp gỗ mới ở hai đầu gãy vát; Tại vị trí mặt nền của gian cầu thang có dấu vết máu nhỏ giọt.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 237/PY/PC09 ngày 26/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: “Ông Nguyễn Văn N bị đa chấn thương vùng đầu và toàn thân do tai nạn lao động làm vỡ xương sọ vùng đỉnh - chẩm phải, chảy máu não. Nạn nhân chết do chấn thương sọ não”.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

*Đại diện hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị L trình bày:* Tại giai đoạn điều tra bà đã có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo T, về phần bồi thường gia đình bà đã nhận bồi thường đủ số tiền 50.000.000 đồng, bà không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng số 58/KSĐT ngày 30/6/2020 đã truy tố, hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T đủ yếu tố cấu thành tội: “*Vi phạm quy định về an toàn lao động*” và đề nghị HĐXX:

\* Về áp dụng điều luật và hình phạt: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Đức T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tính từ ngày tuyên án.

\* Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra bị cáo Nguyễn Đức T cùng gia đình đã bồi thường toàn bộ phần trách nhiệm dân sự cho đại diện gia đình bị hại số tiền 50.000.000 đồng, gia đình bị hại đã nhận đủ tiền và không yêu cầu gì khác nên cần được chấp nhận. Đại diện gia đình bị hại có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

\* Ngoài ra còn đề nghị HĐXX xem xét về vật chứng của vụ án và án phí của vụ án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Đức T nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các quy định của pháp luật cho bị cáo được hưởng án treo.

### **PHÂN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng đã mô tả. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra; Biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ hiện trường, Bản ảnh hiện trường (Bút lục số 30 - 33); Biên bản khám nghiệm tử thi; Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 237/PY/PC 09 ngày 26/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (Bút lục số

27 đến 29); Tài liệu đồ vật: Quản lý 02 thanh gỗ gậy có kích thước (1,2x 0,8 x 0,6)m và (1,16 x 0,8 x 0,6)m (Bút lục từ số 31a); Lời khai của những người làm chứng bà Hoàng Thị P, ông Phạm Đồng K, ông Nguyễn Đức H, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L (Bút lục số: 59-81a) và toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Ngoài ra hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T sử dụng giàn giáo không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, sử dụng lao động đối với công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động nhưng chưa huấn luyện an toàn lao động và không trang bị dây an toàn, lưới bảo vệ khi người lao động làm việc ở độ cao 5,1 mét nêu trên, đã vi phạm quy định tại mục 2, quy định chi tiết tại các tiểu mục 2.1.5; 2.8.1.1; 2.8.1.2 và 2.8.1.15 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia an toàn trong xây dựng - QCVN 18/2014/BXD (Ban hành theo thông tư 14/2014/TT-BXD ngày 05/9/2014 của Bộ xây dựng); vi phạm điểm b khoản 2 Điều 7; khoản 6 Điều 12; khoản 3 Điều 16 Luật an toàn vệ sinh lao động.

Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Đức T là người chịu trách nhiệm trong việc thuê và sử dụng lao động xây dựng công trình nhà ở cho bà Hoàng Thị P. Quá trình xây dựng, T không tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các quy định, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn lao động; khi người lao động làm việc trên cao T không trang bị đầy đủ phương tiện, công cụ bảo hộ cho người lao động như dây an toàn, lưới bảo vệ. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 24/11/2019, ông Nguyễn Văn N là thợ xây do T thuê đứng trên giàn giáo tự lắp ghép kết hợp giữa vật liệu gỗ và kim loại, có độ cao 5,1 mét so với mặt nền nhà tầng 1 để xây tường thì giàn giáo bị gãy, sập, làm ông N bị ngã bị rơi xuống mặt nền nhà tầng 1, bị thương nặng và chết lúc 14 giờ cùng ngày.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: *“Vi phạm về quy định về an toàn lao động”* theo điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật hình sự.

***“Điều 295. Tội vi phạm về quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người***

*1. Người nào vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở những nơi đông người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

*a) Làm chết 01 người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên;*

*b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;*

*c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;*

*d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.*

*2.....”*

Ngoài ra hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T còn vi phạm quy định tại mục 2, quy định chi tiết tại các tiểu mục 2.1.5; 2.8.1.1; 2.8.1.2 và 2.8.1.15 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia an toàn trong xây dựng - QCVN 18/2014/BXD (Ban hành theo thông tư 14/2014/TT-BXD ngày 05/9/2014 của Bộ xây dựng); vi phạm điểm b khoản 2 Điều 7; khoản 6 Điều 12; khoản 3 Điều 16 Luật an toàn vệ sinh lao động.

*“2. Quy định về kỹ thuật*

*2.1 Yêu cầu chung*

*....*

*2.1.5. Khi làm việc trên cao (từ 02 mét trở lên) hoặc chưa đến độ cao đó, nhưng dưới chỗ làm việc có các chướng ngại nguy hiểm, thì phải trang bị dây an toàn cho người lao động hoặc lưới bảo vệ. Nếu không làm được sàn thao tác có lan can an toàn, không cho phép người lao động làm việc khi chưa đeo dây an toàn.*

*...*

*2.8 Giàn giáo, giá đỡ và thang:*

*2.8.1.1. Tất cả các loại giàn giáo, giá đỡ phải được thiết kế, thi công, lắp dựng, nghiệm thu và bảo dưỡng đảm bảo an toàn...*

*2.8.1.2. Không được sử dụng giàn giáo, giá đỡ, thang không đúng chức năng sử dụng của chúng. Không được sử dụng giàn giáo, giá đỡ được lắp kết hợp từ các loại, dạng khác nhau hoặc sử dụng nhiều loại mà không có thiết kế riêng.*

*...*

*2.8.1.5. Giàn giáo, giá đỡ có độ cao đến 4 mét chỉ được phép đưa vào sử dụng sau khi được cán bộ kỹ thuật nghiệm thu ghi vào nhật ký thi công; cao trên 4 m thì chỉ được phép sử dụng sau khi được nghiệm thu theo quy định về quản lý chất lượng.*

***Luật An toàn, vệ sinh lao động quy định:***

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động

*....*

*2. Người sử dụng lao động có nghĩa vụ sau đây:*

*...*

*b) Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các quy định, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; trang bị đầy đủ phương tiện, công cụ*

*lao động bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; thực hiện việc chăm sóc sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; thực hiện đầy đủ chế độ đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động;*

Điều 12. Các hành vi bị nghiêm cấm

...

*6. Sử dụng lao động hoặc làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động khi chưa được huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động.*

(Tại Phụ lục ban hành kèm theo thông tư 13/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16/6/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định Danh mục các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động như sau: “7. Các công việc làm việc trên cao cách mặt bằng làm việc từ 2 mét trở lên, trên sàn công tác di động, nơi cheo leo nguy hiểm”.)

Điều 16. Trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc

...

*3. Trang cấp đầy đủ cho người lao động các phương tiện bảo vệ cá nhân khi thực hiện công việc có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại; trang bị các thiết bị an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc”.*

**[2.1]** Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội thì thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến an toàn lao động và đã gây thiệt hại về tính mạng cho người khác, gây mất an toàn xã hội, gây hoang mang lo lắng cho người dân nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã gây ra.

**[2.2]** Tuy nhiên khi xem xét, cân nhắc hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi vụ án xảy ra bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho gia đình người bị hại. Vì vậy bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

**[2.3]** Ngoài ra bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, tại giai đoạn điều tra đại diện cho bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tại phiên tòa là phù hợp.



**[2.4]** Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 6 Điều 295 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.*”. Tuy nhiên các tài liệu cho thấy bị cáo là lao động tự do thu nhập không ổn định, bị cáo phạm tội do lỗi vô ý và không trực tiếp dẫn đến cái chết đối với người bị hại nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

**[3]** Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra bị cáo Nguyễn Đức Thắng đã bồi thường toàn bộ phần trách nhiệm dân sự cho đại diện gia đình bị hại số tiền 50.000.000 đồng, tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Lượng cũng trình bày gia đình đã nhận đủ tiền và không yêu cầu gì khác nên cần ghi nhận sự tự nguyện giữa bị cáo và gia đình bị hại.

**[4]** Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 02 thanh gỗ gậy có kích thước (1,2x 0,08 x 0,06)mét và (1,16 x 0,08 x 0,06)mét bị cáo thuê của ông Phạm Văn Tăng, Cơ quan điều tra đã quản lý đã thu giữ không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

**[5]** Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức Thắng phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

**[6]** Quyền kháng cáo: Bị cáo; Đại diện hợp pháp của bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên:**

### **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội: “*Tội vi phạm về quy định về an toàn lao động*”.

**2. Áp dụng điều luật và hình phạt:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T **01 (một)** năm **03 (ba)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **02 (hai)** năm **06 (sáu)** tháng tính từ ngày tuyên án (11/8/2020).

Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Đức T.

*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

### **3. Về trách nhiệm dân sự:**

Ghi nhận việc tại giai đoạn điều tra bị cáo Nguyễn Đức T đã bồi thường toàn bộ phần trách nhiệm dân sự cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 50.000.000 đồng, đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận đủ tiền và không yêu cầu gì khác nên cần được chấp nhận.

**4. Về vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 02 thanh gỗ gậy có kích thước (1,2x 0,08 x 0,06)mét và (1,16 x 0,08 x 0,06)mét không còn giá trị sử dụng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng ngày 30/6/2020.

**5. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**6. Quyền kháng cáo:** Bị cáo Nguyễn Đức T; bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhân:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp Thái Bình;
- VKSND huyện Đông Hng;
- THADS huyện Đông Hưng;
- Công an huyện Đông Hưng;
- Bị cáo; Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*ĐÃ KÝ*

**Hoàng Văn Thành**